

# TÁC ĐỘNG HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG CẤP TỈNH ĐẾN CẢM NHẬN VỀ CẢI THIẾN CUỘC SỐNG: BẰNG CHỨNG TỪ KHẢO SÁT HỘ GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM

Phạm Thị Bích Ngọc<sup>1\*</sup>, Phạm Xuân Hùng<sup>1</sup>

Ngày nhận bài: 27/10/2025

Ngày nhận bản sửa: 26/11/2025

Ngày duyệt đăng: 30/12/2025

**Tóm tắt.** Nghiên cứu này đánh giá tác động của hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh đến cảm nhận về cải thiện mức sống của các hộ gia đình ở Việt Nam. Sử dụng dữ liệu Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) giai đoạn 2012–2020 kết hợp với chỉ số PAPI, nghiên cứu áp dụng mô hình logit có thứ tự và OLS để ước lượng. Kết quả cho thấy chất lượng quản trị quá khứ cũng như sự cải thiện trong PAPI đều có mối liên hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê với cảm nhận cải thiện cuộc sống. Đặc biệt, các khía cạnh như sự tham gia ở cấp cơ sở, trách nhiệm giải trình, kiểm soát tham nhũng và cải cách thủ tục hành chính có tác động rõ ràng. Kết quả nhấn mạnh tầm quan trọng của cải cách quản trị địa phương, gợi ý chính quyền cần chú trọng thúc đẩy minh bạch và nâng cao dịch vụ công nhằm cải thiện phúc lợi xã hội bền vững.

**Từ khóa:** PAPI; Cải thiện cuộc sống; Hộ gia đình; Việt Nam.

## 1. Giới thiệu

Chất lượng cuộc sống và các yếu tố ảnh hưởng đến việc cải thiện chất lượng cuộc sống là chủ đề quan trọng trong kinh tế học. Nó có thể được đánh giá qua những chỉ tiêu phản ánh sự cải thiện vật chất và cảm nhận chủ quan của cá nhân hoặc cộng đồng về trải nghiệm sống. Một nền kinh tế bền vững thường gắn liền với tỷ lệ cao người dân có mức sống được cải thiện và hài lòng với cuộc sống. Các nghiên cứu cho thấy chất lượng chính phủ ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hạnh phúc trung bình của dân số (Helliwell & Huang, 2008; Ott, 2010).

Tuy nhiên, nghiên cứu về tác động của chính phủ đối với cải thiện cuộc sống vẫn còn hạn chế. Thứ nhất, phần lớn các nghiên cứu được thực hiện ở các nước phát triển. Các khảo sát và bộ dữ liệu dạng bảng về hiệu quả chính phủ thường chỉ được thực hiện ở Châu Âu và Châu Mỹ mà ít có ở các quốc gia đang phát triển. Thứ hai, hầu hết nghiên cứu tiếp cận ở góc độ đa quốc gia, đánh giá tác động của quản lý nhà nước tới mức độ hạnh phúc hoặc hạnh phúc chủ quan bình quân, ví dụ như sử dụng Chỉ số Chất lượng Quản trị Châu Âu – EQGI (2017) trong nghiên cứu của Arampatzi và cộng sự (2019) trên 168 quốc gia và vùng lãnh thổ Châu Âu, hay các công trình của (Holmberg và cộng sự, 2009; Ott, 2011).

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, \*Tác giả liên hệ: [ptbngoc.hce@hueuni.edu.vn](mailto:ptbngoc.hce@hueuni.edu.vn)

Cách tiếp cận này bỏ qua sự khác biệt bối cảnh kinh tế – chính trị giữa các địa phương, cũng như sự khác biệt tác động của hiệu quả quản lý chính phủ lên từng nhóm dân cư trong cùng một quốc gia. Hiện có rất ít nghiên cứu xem xét tác động của quản lý nhà nước đến chất lượng cuộc sống của các nhóm khác nhau theo trình độ học vấn, thu nhập, địa vị xã hội. Thêm vào đó, các nghiên cứu thường chỉ đo lường một số khía cạnh quản trị như quyền bỏ phiếu và tham gia chính trị (Orviska và cộng sự, 2014; Weitz-Shapiro & Winters, 2011), kiểm soát tham nhũng (Arvin & Lew, 2012; Heukamp & Ariño, 2011; Welsch, 2008), tự do (Belasen & Hafer, 2012) hay dịch vụ công và phúc lợi (Ifcher, 2011).

Ở Việt Nam hiện tại cũng có một số nghiên cứu xem xét mối liên hệ giữa hiệu quả quản lý hành chính công ở cấp độ địa phương lên phát triển kinh tế. Tuy nhiên, các nghiên cứu trong nước chủ yếu chỉ dừng lại ở cấp độ vĩ mô, sử dụng dữ liệu tổng hợp cấp tỉnh và chưa đi sâu vào trải nghiệm vi mô của người dân. Do đó, điểm mới và ý nghĩa thực tiễn quan trọng của nghiên cứu này là việc phân tích tác động của từng thành phần quản lý hành chính công cấp tỉnh đến sự cảm nhận thay đổi mức sống ở cấp hộ gia đình. Việc tiếp cận ở cấp hộ gia đình, đồng thời tách riêng các thành phần cấu thành của PAPI, không chỉ giúp phản ánh chân thực hơn sự khác biệt trong cảm nhận về mức sống, mà còn góp phần làm rõ kênh tác động cụ thể của quản trị – hành chính công đến đời sống người dân. Đây chính là khoảng trống nghiên cứu quan trọng mà bài báo hướng tới bổ sung.

Kết quả phân tích của nghiên cứu này sẽ đóng góp vào các cuộc thảo luận đang diễn ra về ảnh hưởng của quản trị nhà nước đối với việc cải thiện cuộc sống và các quá trình ra quyết định liên quan đến cải thiện thể chế ở Việt Nam với mục tiêu hỗ trợ người dân.

Phần còn lại của nghiên cứu có cấu trúc như sau. Phần 2 trình bày tổng quan nghiên cứu. Dữ liệu và phương pháp phân tích sẽ được trình bày trong Phần 3. Kết quả nghiên cứu được trình bày và thảo luận trong Phần 4. Phần cuối là kết luận.

## **2. Tổng quan nghiên cứu**

Nhiều nghiên cứu quốc tế cho thấy chất lượng quản lý công gắn chặt với mức độ cải thiện đời sống của người dân. Hiệu quả quản lý quyết định khả năng nâng cao phúc lợi thông qua dịch vụ công, hành chính và cơ chế phản hồi chính sách (Heinrich & Marschke, 2010). Ở Liên minh Châu Âu, chất lượng quản trị được xem là yếu tố then chốt thúc đẩy tăng trưởng vùng, đồng thời lý giải sự khác biệt về cơ hội phát triển giữa các khu vực (Rodríguez-Pose, 2013; Rodríguez-Pose & Ketterer, 2020).

Một số nghiên cứu gần đây tại Việt Nam đã khai thác dữ liệu PAPI để phân tích mối quan hệ giữa quản trị công và tăng trưởng kinh tế địa phương. Thang, D.Q và cộng sự (2021) áp dụng mô hình Solow với dữ liệu cấp tỉnh giai đoạn 2011–2018 và cho thấy một số thành phần PAPI có tác động tích cực đến tăng trưởng kinh tế, song mức độ ảnh hưởng khác nhau giữa các địa phương. Tương tự, (Tùng, 2024) và (Anh & Hoàng, 2023) sử dụng hàm sản xuất Cobb-Douglas kết hợp SGMM với dữ liệu 2016–2023, và chỉ ra

rằng cả chỉ tiêu chính quyền địa phương lẫn PAPI đều có tác động tích cực đến tăng trưởng, đồng thời nhấn mạnh vai trò nổi bật của một số thành phần PAPI.

Các nghiên cứu trên đều dựa trên dữ liệu vĩ mô và số liệu bình quân cấp tỉnh, dẫn tới một số hạn chế đáng chú ý. Thứ nhất, số lượng quan sát tương đối thấp do chỉ sử dụng số liệu tổng hợp, nên chưa phản ánh được sự khác biệt ở cấp cá nhân hoặc hộ gia đình. Thứ hai, cách tiếp cận này không thể hiện được sự đa dạng trong trải nghiệm và mức độ cải thiện cuộc sống giữa các nhóm dân cư khác nhau. Ngoài ra, mặc dù nhiều nghiên cứu sử dụng dữ liệu dạng bảng (panel), song lại phân tích theo từng năm riêng lẻ, làm lu mờ các biến động và xu hướng dài hạn, từ đó chưa đánh giá được hiệu quả quản trị công một cách bền vững theo thời gian.

Bên cạnh đó, các phân tích hiện tại thường bỏ qua tác động không đồng nhất của từng thành phần PAPI đối với các nhóm dân cư khác nhau. Những yếu tố như khu vực sinh sống, mức thu nhập hay trình độ học vấn ít được đưa vào phân tích, dẫn đến việc bỏ sót các khía cạnh quan trọng liên quan đến bất bình đẳng và công bằng trong tiếp cận dịch vụ công. Hơn nữa, việc sử dụng duy nhất chỉ số PAPI tổng hợp mà không tách riêng từng trụ cột cấu thành khiến khó xác định yếu tố nào có tác động nổi trội hơn tới cuộc sống người dân trong từng bối cảnh cụ thể.

Nghiên cứu này của chúng tôi hướng tới việc khắc phục những hạn chế nêu trên bằng cách khai thác dữ liệu VHLSS ở cấp hộ. Trên cơ sở đó, chúng tôi phân tích cảm nhận chủ quan của hộ về cải thiện cuộc sống. Bằng việc kết hợp phân tích tác động tổng thể và tác động không đồng nhất của từng thành phần PAPI đến các nhóm dân cư khác nhau, nghiên cứu kỳ vọng cung cấp bức tranh chi tiết hơn về cơ chế mà quản trị công ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống và cơ hội di động xã hội của người dân.

### **3. Dữ liệu và phương pháp nghiên cứu**

#### **3.1. Dữ liệu**

##### *3.1.1. Nguồn dữ liệu*

Nghiên cứu này sử dụng hai bộ dữ liệu chính. Dữ liệu về cảm nhận về cải thiện cuộc sống và các đặc điểm của hộ gia đình được thu thập từ Khảo sát Mức sống Hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) các năm 2012, 2014, 2016, 2018 và 2020.

Các biến đại diện cho chất lượng quản trị địa phương được lấy từ Báo cáo Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính Công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI). Dữ liệu được thu thập thông qua khảo sát phỏng vấn trực tiếp với người dân trên toàn quốc. Bộ câu hỏi khảo sát bao gồm 500 câu hỏi nội dung liên quan đến các vấn đề chính sách ở Việt Nam, từ đó hình thành nên 120 chỉ số đánh giá cụ thể. Dựa trên kết quả khảo sát, Chỉ số PAPI được tổng hợp thành một chỉ báo toàn diện bao gồm 8 trụ cột nội dung: sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, minh bạch trong quá trình ra quyết định ở địa phương, trách nhiệm giải trình theo chiều dọc đối với công dân, kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, thủ tục hành chính công, chất lượng cung ứng dịch vụ công, quản trị môi trường và chính

quyền điện tử. Trong đó, hai khía cạnh cuối cùng (quản trị môi trường và chính quyền điện tử) chỉ mới được bổ sung vào bảng hỏi kể từ năm 2018.

Thông tin khác liên quan đến đặc điểm cấp tỉnh, chẳng hạn như GDP bình quân đầu người hay quy mô dân số tỉnh, được trích xuất từ Niên giám Thống kê do Tổng cục Thống kê Việt Nam công bố.

### 3.1.2. Định nghĩa biến

Biến phụ thuộc trong nghiên cứu này là cảm nhận về thay đổi cuộc sống, được thu thập từ câu hỏi trong Khảo sát Mức sống Hộ gia đình Việt Nam (VHLSS): “**So với 5 năm trước, cuộc sống của hộ ông/bà hiện nay có cải thiện không?**” với 4 phương án trả lời: “Có, cải thiện nhiều” (4); “Có, cải thiện một chút” (3); “Không thay đổi” (2); “Tồi tệ hơn” (1). Mặc dù việc sử dụng biến có tính chất hồi tưởng để đo lường cảm nhận của hộ gia đình về sự thay đổi mức sống có thể tiềm ẩn rủi ro sai lệch hồi tưởng (recall bias), đây vẫn là một phương pháp phổ biến trong nhiều nghiên cứu thực nghiệm. Các biến này phản ánh trực tiếp quan điểm chủ quan của người dân – một khía cạnh có giá trị riêng trong việc đánh giá phúc lợi và kỳ vọng, vốn không thể đo lường đầy đủ thông qua các chỉ số khách quan. Thực tế, đã có nhiều nghiên cứu uy tín sử dụng phương pháp này, chẳng hạn như những nghiên cứu (Clark và cộng sự, 2018; Klemm, 2022). Bên cạnh đó, để phần nào hạn chế ảnh hưởng từ sự thiên lệch chủ quan, nghiên cứu sẽ kiểm soát các yếu tố liên quan đến đặc điểm hộ gia đình và bối cảnh địa phương, giúp củng cố độ tin cậy cho các kết quả phân tích.

Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI) được sử dụng làm đại diện (proxy) cho chất lượng quản lý nhà nước ở cấp tỉnh.

Để kiểm soát các yếu tố khác có thể ảnh hưởng đến dịch chuyển xã hội chủ quan của hộ gia đình, nghiên cứu đưa vào hai nhóm biến kiểm soát chính. Thứ nhất, các đặc điểm của hộ gồm: độ tuổi, trình độ học vấn, tình trạng hôn nhân và giới tính chủ hộ, thu nhập bình quân đầu người, quy mô hộ, nơi cư trú, tổng giá trị tài sản cố định, loại nguồn nước sinh hoạt, và loại hình nhà vệ sinh. Thứ hai, đặc điểm cấp tỉnh bao gồm: tăng trưởng GDP bình quân đầu người, và mật độ dân số. Bảng 1 và Bảng 2 lần lượt trình bày định nghĩa các biến và thống kê mô tả các biến.

**Bảng 1. Định nghĩa các biến trong mô hình**

Tên biến	Loại	Định nghĩa
M	Biến phân loại	Cảm nhận về cải thiện cuộc sống (1 Tệ hơn, 2 Không thay đổi, 3 Cải thiện một chút, 4 Cải thiện nhiều)
$PAPI_{p,t-5}$	Biến liên tục	Chỉ số hiệu quả quản lý hành chính công cấp tỉnh của tỉnh p, tại thời điểm 5 năm trước
$\Delta PAPI$	Biến liên tục	Sự thay đổi của chỉ số PAPI hiện tại tỉnh p so với 5 năm trước

age_head	Biến liên tục	Tuổi của chủ hộ
head_no_degree	Biến dummy	Chủ hộ không có bằng cấp
head_primary		Chủ hộ tốt nghiệp tiểu học
head_lower_secondary		Chủ hộ tốt nghiệp cấp 2
head_upper_secondary		Chủ hộ tốt nghiệp cấp 3
head_high_edu		Chủ hộ có bằng Đại học trở lên
married_head	Biến dummy	Chủ hộ đã kết hôn
male_head	Biến dummy	Chủ hộ gia đình là đàn ông
a_income	Biến liên tục	Thu nhập bình quân đầu người (được điều chỉnh theo tỷ lệ lạm phát hàng năm)
hhszise	Biến liên tục	Số người trong gia đình
rural	Biến dummy	Hộ gia đình sống ở nông thôn
fixed_asset	Biến liên tục	Giá trị tài sản có giá trị trong gia đình
tap_water	Biến dummy	Nguồn nước sử dụng chủ yếu trong sinh hoạt là nước máy
toilet	Biến dummy	Hộ có toilet riêng
living area	Biến liên tục	Diện tích nhà ở
high_edu	Biến dummy	Gia đình có ít nhất 1 thành viên tốt nghiệp đại học trở lên
majority	Biến dummy	Hộ gia đình thuộc dân tộc Kinh
garbage	Biến dummy	Gia đình có sử dụng dịch vụ thu gom rác
area	Biến phân loại	Đồng bằng sông Hồng (1) Miền núi và trung du phía Bắc (2) Bắc Trung Bộ và duyên hải miền trung (3) Tây Nguyên (4) Miền Nam (5) Đồng Bằng Sông Cửu Long (6)
GDP_per_fix	Biến liên tục	GDP tỉnh bình quân đầu người
population	Biến liên tục	Dân số của tỉnh

Nguồn: Xử lý bởi nhóm tác giả

**Bảng 2. Số liệu thống kê các biến**

Biến	N	Mean	SD	Min	Max
M	63420	3,083	0,795	1	4
PAPI <sub>p,t-5</sub>	63550	36,221	3,164	0	40,62
ΔPAPI	63238	1,734	4,507	-4,898	46,834
age_head	63550	51,586	13,759	14	106
head_no_degree	63550	0,168	0,374	0	1
head_primary	63550	0,254	0,435	0	1
head_lower_secondary	63550	0,294	0,455	0	1
head_upper_secondary	63550	0,152	0,359	0	1
head_high_edu	63550	0,073	0,261	0	1

married_head	63550	0,802	0,397	0	1
male_head	63550	0,749	0,432	0	1
a_income	62986	3080,239	2313,71	148,472	52252,5
hhsiz	63550	3,785	1,6	1	16
rural	63550	0,698	0,459	0	1
fixed_asset	63550	49743,97	109010,95	-16	9021250
tap_water	63550	0,385	0,486	0	1
toilet	63550	0,748	0,433	0	1
living_area	63550	84,889	53,566	5	2010
high_edu	63550	0,17	0,375	0	1
majority	63550	0,823	0,382	0	1
garbage	63550	0,518	0,499	0	1
area	63550	3,332	1,809	1	6
gdp_per_fix	63550	0,088	0,153	0,014	1,344
population	63550	1915,777	1904,062	307,7	9227,6

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Các hộ trong mẫu nghiên cứu có chủ hộ trung bình 51,6 tuổi, trong đó khoảng 75% là chủ hộ là nam giới và 80% đã kết hôn. Về trình độ học vấn, tỷ lệ chủ hộ không có bằng cấp chiếm khoảng 17%, chủ hộ học hết tiểu học 25%, trung học cơ sở 29%, trung học phổ thông 15% và có trình độ cao đẳng/đại học trở lên là 7%. Quy mô hộ trung bình gần 4 người, phần lớn sống ở khu vực nông thôn (70%) và thuộc dân tộc Kinh là chủ yếu (82%). Thu nhập bình quân đầu người của hộ khoảng 3,08 triệu đồng/tháng, với sự chênh lệch đáng kể giữa các hộ.

Về điều kiện sống, khoảng 38% hộ sử dụng nước máy, 75% có nhà vệ sinh hợp chuẩn, diện tích nhà ở bình quân 85 m<sup>2</sup>, và một nửa số hộ có sử dụng dịch vụ thu gom rác. Giá trị tài sản cố định của hộ có sự khác biệt lớn, phản ánh tình trạng bất bình đẳng trong tích lũy tài sản. Đây cũng là yếu tố ảnh hưởng đến cảm nhận mức sống của người dân.

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu

Để khảo sát mối quan hệ giữa sự thay đổi trong hiệu quả quản trị và cảm nhận về cải thiện cuộc sống của hộ gia đình, chúng tôi sử dụng mô hình sau:

$$M_{ipt} = \alpha PAPI_{p,t-5} + \beta \Delta PAPI_{pt} + \mathbf{X}_{ipt}^H \boldsymbol{\gamma} + \mathbf{X}_{pt}^P \boldsymbol{\delta} + \mu_p + \theta_t + \varepsilon_{ipt} \quad (1)$$

Trong đó,  $M_{ipt}$  là cảm nhận chủ quan về sự cải thiện cuộc sống được báo cáo bởi hộ gia đình  $i$  tại tỉnh  $p$  vào thời điểm  $t$ .

Biến  $PAPI_{p,t-5}$  là chỉ số hiệu quả quản trị cấp tỉnh của tỉnh  $p$  cách thời điểm khảo sát 5 năm. Biến  $\Delta PAPI_{pt}$  đại diện cho sự thay đổi trong chỉ số PAPI, được tính bằng hiệu số giữa giá trị chỉ số PAPI tại thời điểm  $t$  và giá trị của nó cách đó 5 năm.

Biến  $\mathbf{X}_{ipt}^H$  là một vector bao gồm các đặc điểm của hộ gia đình  $i$  tại tỉnh  $p$  vào thời điểm  $t$ , gồm: dân tộc, nơi cư trú (nông thôn/thành thị), thu nhập bình quân đầu người, giá trị tài sản cố định, diện tích nhà ở, loại nhà vệ sinh, loại nước sinh hoạt, tuổi của chủ hộ,

tình trạng hôn nhân của chủ hộ, trình độ học vấn của chủ hộ, loại hình công việc của chủ hộ, và quy mô hộ gia đình.

Biến  $X_{pt}^P$  là vector đặc điểm của tỉnh p tại thời điểm t, bao gồm: GDP bình quân đầu người và mật độ dân số.

$\mu_p, \theta_t$  lần lượt là các hiệu ứng cố định theo tỉnh và theo năm, nhằm kiểm soát các yếu tố không quan sát được có thể ảnh hưởng đến sự cải thiện cuộc sống hộ gia đình ở cấp tỉnh và theo thời gian.  $\varepsilon_{ipt}$  là sai số ngẫu nhiên, trong đó sai số được ước lượng một cách vững (robust standard errors). Mô hình được gom cụm (clustered) tại cấp tỉnh nhằm kiểm soát tính phụ thuộc trong cụm dữ liệu. Để kiểm soát khả năng không phải tất cả các quan sát trong bộ dữ liệu VHLSS đều có liên hệ trực tiếp với cải cách hành chính được đo lường thông qua chỉ số PAPI, và nhằm đảm bảo đánh giá khách quan về tác động của cải cách này, nghiên cứu tiến hành cụm hóa sai số (clustered standard errors) ở cấp độ tỉnh. Trong phân tích hồi quy, một giả định cơ bản là các sai số (error terms) giữa các quan sát là độc lập với nhau. Tuy nhiên, trong thực tế, các quan sát trong cùng một nhóm (trong trường hợp này là các hộ trong cùng một tỉnh) có thể chịu ảnh hưởng từ những đặc điểm chung (ví dụ như chính sách địa phương, điều kiện kinh tế - xã hội, hay bối cảnh thể chế), khiến sai số giữa các quan sát trong cùng một cụm có xu hướng tương quan. Do đó, việc cụm hóa sai số theo cấp tỉnh giúp điều chỉnh phương sai phù hợp, đảm bảo độ lệch chuẩn chính xác và nâng cao độ tin cậy của các kiểm định thống kê trong mô hình.

Mục tiêu chính của nghiên cứu là phân tích tác động của sự thay đổi chất lượng quản lý địa phương tại cấp tỉnh đối với sự cải thiện cuộc sống của hộ dân tại tỉnh đó. Do đó, mô hình kiểm soát chỉ số PAPI của 5 năm trước thông qua biến  $PAPI_{p,t-5}$ , đồng thời tính toán sự thay đổi trong chất lượng quản trị thông qua biến  $\Delta PAPI_{pt}$ , phản ánh chênh lệch giữa giá trị PAPI hiện tại và giá trị PAPI cách đây 5 năm.

Ngoài ra,  $\Delta PAPI_{pt}$  được tách riêng theo sự thay đổi ở từng trục nội dung. Cụ thể, các biến  $\Delta D1, \Delta D2, \Delta D3, \Delta D4, \Delta D5$  và  $\Delta D6$  lần lượt đại diện cho sự thay đổi ở các chỉ tiêu: (1) mức độ tham gia của người dân ở cấp địa phương, (2) tính minh bạch trong quá trình ra quyết định ở địa phương, (3) trách nhiệm giải trình đối với công dân, (4) kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, (5) thủ tục hành chính công, và (6) chất lượng cung ứng dịch vụ công. Do chiều thứ 7 (quản trị môi trường) và chiều thứ 8 (quản trị điện tử) chỉ được đưa vào từ năm 2018, nên sự thay đổi của hai chiều này được gộp chung trong biến  $\Delta\_other$ .

Biến phụ thuộc trong nghiên cứu này - cảm nhận về cải thiện cuộc sống, là một biến phân loại theo thứ bậc, do đó chúng tôi sử dụng phương pháp ước lượng logit có thứ tự (Ordered logit). Tuy nhiên, chúng tôi cũng báo cáo các hệ số ước lượng từ mô hình hồi quy OLS để so sánh và kiểm chứng kết quả.

#### 4. Kết quả

Kết quả hồi quy được trình bày trong Bảng 3 cho thấy mối liên hệ tích cực và có ý nghĩa thống kê giữa hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh và cảm nhận về sự cải thiện cuộc sống của các hộ gia đình.

Trước hết, biến  $PAPI_{p,t-5}$  đại diện cho chất lượng quản trị hành chính công cấp tỉnh tại thời điểm 5 năm trước, cho thấy mối liên hệ dương và có ý nghĩa thống kê với cảm nhận hiện tại của người dân trong cả hai mô hình Ordered Logit và OLS. Cụ thể, mỗi đơn vị tăng của PAPI quá khứ gắn với sự gia tăng xác suất hộ gia đình cảm thấy cuộc sống hiện tại được cải thiện (hệ số log-odds 0,082 trong mô hình Ordered Logit) và mức tăng điểm số cảm nhận là 0,032 trong mô hình OLS, cả hai đều đạt mức ý nghĩa 99%. Kết quả này cho thấy chất lượng quản trị địa phương trong quá khứ có thể liên quan đến sự cải thiện mức độ hài lòng và cảm nhận về cuộc sống của người dân trong trung hạn.

Tiếp theo, khi xem xét sự thay đổi trong chỉ số PAPI ( $\Delta PAPI_{pt}$ ), kết quả cho thấy rằng việc cải thiện chất lượng quản trị cũng có tác động tích cực đến cảm nhận chủ quan của người dân, với hệ số 0,08 (Ordered Logit) và 0,029 (OLS), đều có ý nghĩa thống kê cao. Điều này củng cố giả thuyết rằng các cải cách và nâng cấp trong quản trị cấp tỉnh sẽ được phản ánh trong mức độ hài lòng và cảm nhận cải thiện cuộc sống của cộng đồng dân cư.

**Bảng 3. Mối liên hệ giữa PAPI với cảm nhận cải thiện cuộc sống**

Cảm nhận cải thiện cuộc sống	(1) Ordered logit	(2) OLS	(3) Ordered logit	(4) OLS
$PAPI_{p,t-5}$	0,082*** (0,007)	0,032*** (0,003)	0,066*** (0,009)	0,026*** (0,003)
$\Delta PAPI_{pt}$	0,080*** (0,006)	0,029*** (0,002)		
$\Delta D1$			0,222*** (0,021)	0,088*** (0,001)
$\Delta D2$			0,029 (0,026)	0,001 (0,01)
$\Delta D3$			0,056** (0,024)	0,021** (0,009)
$\Delta D4$			0,088*** (0,019)	0,015** (0,006)
$\Delta D5$			0,073** (0,036)	0,031*** (0,008)
$\Delta D6$			0,001 (0,031)	0,001 (0,012)
$\Delta\_other$			0,059 (0,041)	0,026* (0,016)
Biến kiểm soát	Có	Có	Có	Có
N	40.914	40.914	40.750	40.750

Sai số chuẩn được trình bày trong ngoặc đơn \*  $p < 0,1$ , \*\*  $p < 0,05$ , \*\*\*  $p < 0,01$

Note:  $\Delta D1$ ,  $\Delta D2$ ,  $\Delta D3$ ,  $\Delta D4$ ,  $\Delta D5$  và  $\Delta D6$  lần lượt đại diện cho sự thay đổi ở các chỉ tiêu: (1) mức độ tham gia của người dân ở cấp địa phương, (2) tính minh bạch trong quá trình ra quyết định ở địa phương, (3) trách nhiệm giải trình đối với công dân, (4) kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, (5) thủ tục hành chính công, và (6) chất lượng cung ứng dịch vụ công.  $\Delta\_other$  là sự thay đổi chung của quản trị môi trường và quản trị điện tử.

Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả

Đáng chú ý, khi phân tích thành phần của chỉ số PAPI (trình bày ở cột 3 và 4 của Bảng 3), kết quả cho thấy 6 trên tổng số 8 trục nội dung có ảnh hưởng tích cực đến cảm nhận về sự cải thiện cuộc sống. Trong đó, trục nội dung “Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở” ( $\Delta D1$ ) có tác động mạnh mẽ nhất, với hệ số log-odds là 0,222 (Ordered Logit) và hệ số OLS là 0,088 – đều ở mức ý nghĩa 99%. Kết quả này nhấn mạnh vai trò quan trọng của việc thúc đẩy sự tham gia tích cực của người dân vào quá trình ra quyết định ở cấp cơ sở. Khi người dân có cơ hội thể hiện tiếng nói, họ cảm thấy có trách nhiệm và quyền làm chủ cao hơn đối với các vấn đề phát triển cộng đồng, từ đó gia tăng cảm nhận phúc lợi cá nhân.

Bên cạnh đó, các trục nội dung “Trách nhiệm giải trình với người dân” ( $\Delta D3$ ), “Kiểm soát tham nhũng trong khu vực công” ( $\Delta D4$ ) và “Thủ tục hành chính công” ( $\Delta D5$ ) cũng cho thấy tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê cao ở cả hai mô hình. Cụ thể, chúng tôi cũng tìm thấy bằng chứng về tác động tích cực của trách nhiệm giải trình cho người dân của chính quyền địa phương ( $\Delta D3$ ) đối với cảm nhận về cải thiện cuộc sống. Khi chiều trách nhiệm giải trình này tăng thêm một đơn vị, hệ số log-odds của việc cải thiện cuộc sống tăng thêm 0,073. Trách nhiệm giải trình cho người dân bao gồm ba khía cạnh: tương tác giữa người dân và chính quyền địa phương, mức độ phản hồi của chính quyền và khả năng tiếp cận dịch vụ pháp lý. Sự tương tác tốt hơn giúp xây dựng lòng tin giữa người dân và chính quyền. Khi người dân cảm thấy được lắng nghe và ghi nhận, họ sẽ có xu hướng tham gia nhiều hơn vào các hoạt động xã hội. Khả năng tiếp cận công lý giúp củng cố cảm giác an toàn và bình đẳng. Điều này tác động tích cực đến sức khỏe tinh thần và sự hòa hợp xã hội.

Kết quả ở cột 3 cho thấy nếu chất lượng kiểm soát tham nhũng của chính quyền địa phương ( $\Delta D4$ ) tăng thêm một đơn vị, hệ số log-odds khả năng hộ dân đánh giá mức sống của mình được cải thiện hơn sẽ tăng 0,088. Việc giảm thiểu hành vi tham nhũng sẽ mang lại lợi ích lan tỏa cho toàn xã hội, giúp cải thiện điều kiện sống, tăng khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu và nâng cao mức sống tổng thể của người dân. Khi tham nhũng giảm, nguồn lực sẽ được phân bổ hiệu quả hơn cho các dự án và dịch vụ công, góp phần xây dựng một xã hội công bằng và bình đẳng hơn, nơi người dân được hưởng chất lượng sống cao hơn và phúc lợi xã hội tốt hơn.

Cải thiện thủ tục hành chính công ( $\Delta D5$ ) cũng có tác động tích cực đáng kể đến mức sống chủ quan của người dân. Kết quả ở cột (3) cho thấy rằng khi chất lượng quản

lý hành chính công của chính quyền địa phương tăng thêm một đơn vị, hệ số log-odds của khả năng hộ dân cảm nhận mức sống cao hơn tăng thêm 0,088. Rõ ràng, khi thủ tục hành chính được đơn giản hóa, điều này giúp tiết kiệm thời gian cho người dân và giảm bớt phiền toái do các rào cản hành chính. Thời gian chờ đợi dài và xếp hàng thường gây khó chịu, nên việc tiếp cận dịch vụ nhanh chóng hơn sẽ cải thiện tâm trạng, nâng cao mức độ hài lòng và giảm thiểu căng thẳng cũng như sự bức xúc.

Tuy nhiên, hai trục nội dung “Minh bạch trong ra quyết định ở cấp địa phương” ( $\Delta D2$ ) và “Cung ứng dịch vụ công” ( $\Delta D6$ ) không cho thấy mối liên hệ có ý nghĩa thống kê với cảm nhận của người dân. Kết quả này không nhất thiết hàm ý rằng các yếu tố này không tạo ra tác động, mà có thể phản ánh một số khả năng khác, chẳng hạn như tác động của chúng cần thời gian dài hơn để thể hiện rõ (độ trễ), hoặc mức kỳ vọng của người dân đối với tính minh bạch và chất lượng dịch vụ công đã tăng cao, khiến những cải thiện hiện tại chưa đủ để tạo ra sự khác biệt đáng kể trong đánh giá của họ. Những khả năng này cho thấy cần có các nghiên cứu và phân tích sâu hơn để hiểu rõ hơn về cơ chế tác động của hai yếu tố này.

Cuối cùng, tác động tổng hợp của hai chiều được đưa vào sau năm 2018 - “Quản trị môi trường” và “Chính quyền điện tử” - được tổng hợp trong biến  $\Delta\_other$ , cũng cho thấy hiệu ứng tích cực, tuy nhiên, chỉ có ý nghĩa thống kê ở mức 10% trong mô hình OLS. Có thể do hai chiều này mới chỉ được đưa vào từ năm 2018 nên chưa có đủ bằng chứng mạnh để đánh giá tác động. Việc cải thiện quản lý môi trường có liên quan chặt chẽ đến việc nâng cao trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp và cải thiện chất lượng không khí và nguồn nước, những yếu tố có ảnh hưởng đáng kể đến mức sống của người dân. Khi chính quyền địa phương kiểm soát tốt hơn trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp, điều này không chỉ mang lại lợi ích cho môi trường mà còn tạo thiện cảm trong cộng đồng, từ đó nâng cao cảm nhận phúc lợi của người dân. Nỗ lực tập thể nhằm cải thiện môi trường sống sẽ giúp giảm căng thẳng, cải thiện sức khỏe tinh thần và nâng cao mức sống chủ quan của dân cư. Đây cũng là gợi ý chính sách quan trọng đối với chính quyền địa phương trong việc tập trung cải thiện hai khía cạnh này.

Tiếp theo, chúng tôi tiến hành chia nhỏ mẫu thành các nhóm nhỏ và tiến hành kiểm tra liệu ảnh hưởng của hiệu quả quản lý hành chính công sẽ có ảnh hưởng thế nào đến mức độ cảm nhận chất lượng cuộc sống của từng nhóm hộ. Chúng tôi tiến hành phân nhóm theo bốn tiêu chí: Tiêu chí về địa bàn sinh sống (khu vực thành thị và nông thôn), tiêu chí dựa trên trình độ học vấn (Trong gia đình có người có trình độ cao đẳng/đại học trở lên và trong gia đình không có ai có trình độ cao), tiêu chí thu nhập (chúng tôi chia các hộ dựa trên thu nhập bình quân, nhóm hộ có thu nhập cao hơn mức thu nhập bình quân cả nước và nhóm hộ có thu nhập thấp hơn mức thu nhập bình quân cả nước), tiêu chí về vùng miền (Miền Nam và miền Bắc). Bảng 4 trình bày kết quả cho từng nhóm hộ.

**Bảng 4. Mối liên hệ giữa PAPI và cảm nhận cải thiện cuộc sống cho từng nhóm hộ gia đình**

Cảm nhận cải thiện cuộc sống	Nông thôn	Thành thị	Học vấn cao	Học vấn thấp	Thu nhập cao	Thu nhập thấp	Miền Nam	Miền Bắc
PAPI <sub>p,t-5</sub>	0,078**	0,092***	0,069**	0,084***	0,069**	0,085***	0,029	0,078*
ΔPAPI <sub>pt</sub>	0,078**	0,084**	0,075**	0,082***	0,075**	0,082***	0,063*	0,072*
Biến kiểm soát	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có	Có
N	29.191	13.265	7.173	35.283	7.173	35.283	17.576	24.880

\*  $p < 0,1$ , \*\*  $p < 0,05$ , \*\*\*  $p < 0,01$

*Nguồn: Tính toán của nhóm tác giả*

Kết quả hồi quy theo mô hình Ordered Logit cho thấy rằng cả hai biến độc lập - chỉ số hiệu quả quản lý hành chính công cấp tỉnh (PAPI<sub>p,t-5</sub>) và mức cải thiện của chỉ số này theo thời gian (ΔPAPI<sub>pt</sub>) đều có ảnh hưởng tích cực và có ý nghĩa thống kê đến cảm nhận của hộ gia đình về sự thay đổi mức sống, phản ánh tác động của chất lượng quản trị công đối với cảm nhận phúc lợi của người dân.

Cụ thể, hệ số của biến PAPI<sub>p,t-5</sub> mang dấu dương và có ý nghĩa ở mức 5% đến 1% trong hầu hết các nhóm dân cư, cho thấy rằng các hộ sinh sống ở những địa phương có chất lượng quản lý hành chính công cao hơn có xu hướng đánh giá mức sống của mình được cải thiện hơn. Tác động này thể hiện rõ nhất ở nhóm thành thị (0,092\*) và nhóm hộ có học vấn thấp (0,084\*\*\*), gợi ý rằng chính quyền hiệu quả có vai trò đặc biệt quan trọng đối với các nhóm dễ bị tổn thương hoặc phụ thuộc nhiều vào dịch vụ công.

Tương tự, biến ΔPAPI<sub>pt</sub>, đại diện cho sự cải thiện trong hiệu quả quản trị công theo thời gian, cũng có hệ số dương và có ý nghĩa thống kê trong tất cả các nhóm (ngoại trừ miền Nam), với giá trị dao động quanh 0,075–0,084. Điều này hàm ý rằng những cải thiện trong hiệu quả hành chính công được người dân cảm nhận tích cực, đi kèm với đánh giá rằng mức sống của họ được cải thiện.

Đáng chú ý, tác động của quản trị công thể hiện rõ rệt hơn ở khu vực nông thôn so với thành thị, và ở nhóm thu nhập thấp hơn so với nhóm thu nhập cao, qua đó củng cố lập luận rằng nâng cao hiệu quả điều hành công có thể là một công cụ quan trọng để thúc đẩy công bằng xã hội và nâng cao phúc lợi cho nhóm yếu thế. Ngược lại, ở nhóm miền Nam, các hệ số mang dấu dương nhưng mức ý nghĩa thấp hơn, cho thấy sự khác biệt vùng miền trong cách người dân cảm nhận tác động của chính quyền đến đời sống kinh tế.

Tổng thể, kết quả này khẳng định vai trò tích cực và lan tỏa của cải thiện quản trị công trong việc nâng cao cảm nhận phúc lợi của người dân, đồng thời cho thấy tác động này không đồng nhất giữa các nhóm dân cư, mà phụ thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội và vùng miền nơi họ sinh sống.

## 5. Kết luận

Nghiên cứu này là nghiên cứu đầu tiên tại Việt Nam đánh giá một cách có hệ thống và định lượng tác động của việc cải thiện chất lượng quản trị địa phương đến mức sống chủ quan (subjective well-being) của các hộ gia đình. Bằng cách sử dụng dữ liệu chuỗi thời gian từ Khảo sát mức sống hộ gia đình Việt Nam (VHLSS) kết hợp với chỉ số PAPI, chỉ số đánh giá hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh - nghiên cứu đã đưa ra những bằng chứng thực nghiệm có giá trị trong bối cảnh phát triển chính sách hiện nay. Chỉ số PAPI được sử dụng rộng rãi như một công cụ đo lường mức độ hiệu quả quản trị và hành chính công tại Việt Nam, song bản chất dữ liệu dựa trên khảo sát cảm nhận của người dân khiến chỉ số này có thể phản ánh không hoàn toàn khách quan thực trạng quản lý nhà nước ở từng địa phương. Cảm nhận của người trả lời có thể bị chi phối bởi kinh nghiệm cá nhân, mức độ tiếp cận thông tin, các hoạt động truyền thông, hoặc điều kiện kinh tế - xã hội đặc thù của từng vùng. Do đó, khi sử dụng PAPI làm biến giải thích trong phân tích định lượng, cần lưu ý rằng chỉ số này mang tính đại diện cho bối cảnh thể chế được cảm nhận, hơn là một thước đo thuần túy khách quan. Trong nghiên cứu này, những hạn chế tiềm ẩn đó đã được cân nhắc thông qua việc kiểm soát các biến đặc điểm hộ gia đình và điều kiện địa phương nhằm tăng cường tính chính xác trong ước lượng và diễn giải kết quả.

Một điểm cần lưu ý nữa là mối quan hệ giữa chất lượng quản trị - hành chính (được đo bằng chỉ số PAPI) và cảm nhận chủ quan về cuộc sống của người dân có thể tiềm ẩn nguy cơ nội sinh (endogeneity). Cụ thể, mặc dù nghiên cứu đã sử dụng chỉ số PAPI của giai đoạn 5 năm trước nhằm giảm thiểu sai lệch do tính đồng thời (simultaneity bias), vẫn không thể hoàn toàn loại trừ khả năng tồn tại quan hệ hai chiều, trong đó cảm nhận về cuộc sống của người dân có thể ảnh hưởng ngược trở lại đến cách họ đánh giá hiệu quả hoạt động của chính quyền địa phương. Ngoài ra, các yếu tố không quan sát được hoặc đặc điểm tâm lý cá nhân cũng có thể đồng thời tác động đến cả nhận định về chính quyền và mức độ hài lòng trong cuộc sống, dẫn đến rủi ro sai lệch do biến bị bỏ sót.

Do những hạn chế nêu trên, bao gồm nguy cơ tồn tại quan hệ hai chiều và sự vắng mặt của biến công cụ phù hợp, cách diễn giải phù hợp kết quả nghiên cứu này là xác nhận mối liên hệ giữa chất lượng quản trị công và cảm nhận về cuộc sống, thay vì đưa ra các kết luận mang tính nhân quả. Cách tiếp cận này nhằm đảm bảo sự phù hợp với điều kiện dữ liệu hiện có và giới hạn về mặt phương pháp luận, đồng thời góp phần cung cấp bằng chứng thực chứng bước đầu về mối liên hệ tiềm năng giữa hiệu quả quản trị địa phương và phúc lợi chủ quan của người dân trong bối cảnh Việt Nam.

Tổng kết, nghiên cứu này đóng góp ba điểm chính vào lý luận và thực tiễn về quản trị công và phúc lợi xã hội tại Việt Nam. Thứ nhất, nghiên cứu sử dụng chỉ số PAPI - được xây dựng toàn diện từ tám trục nội dung phản ánh các khía cạnh cốt lõi của quản trị địa phương làm thước đo đại diện cho chất lượng quản trị. Cách tiếp cận này cho phép

đánh giá tác động một cách đa chiều, khắc phục hạn chế của các nghiên cứu trước vốn chỉ dựa trên các chỉ báo đơn lẻ. Thứ hai, thay vì chỉ sử dụng giá trị tổng hợp, nghiên cứu phân tách và phân tích từng chiều thành phần của PAPI nhằm xác định nội dung có ảnh hưởng đáng kể và có ý nghĩa thống kê đối với cảm nhận mức sống của người dân. Kết quả cho thấy sáu trên tám trục - bao gồm sự tham gia ở cấp cơ sở, trách nhiệm giải trình, kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, thủ tục hành chính công, quản trị môi trường, và chính quyền điện tử - đều tác động tích cực và có ý nghĩa thống kê. Đây là những lĩnh vực quản trị then chốt góp phần nâng cao đời sống tinh thần, cảm nhận công bằng và niềm tin vào chính quyền. Thứ ba, nghiên cứu không chỉ xem xét tác động tức thời mà còn phân tích sự thay đổi chất lượng quản trị trong giai đoạn 5 năm. Kết quả hồi quy (OLS và logit có thứ tự) chỉ ra rằng cả chất lượng quản trị quá khứ và mức cải thiện quản trị ( $\Delta$ PAPI) đều có mối liên hệ tích cực với mức sống chủ quan hiện tại của hộ dân, phản ánh rõ hiệu quả của các nỗ lực cải cách hành chính và nâng cao năng lực quản lý của chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng không phải tất cả các chiều của quản trị địa phương đều có tác động rõ rệt đến cảm nhận phúc lợi của người dân. Cụ thể, hai trục là tính minh bạch trong quá trình ra quyết định tại địa phương và chất lượng cung ứng dịch vụ công không có tác động có ý nghĩa thống kê trong mô hình phân tích. Kết quả này đặt ra một yêu cầu thực tiễn quan trọng cho chính quyền địa phương: cần rà soát và cải thiện hiệu quả thực thi của hai lĩnh vực này. Mặc dù các chính sách có thể đã được ban hành, nhưng nếu việc thực thi thiếu minh bạch hoặc dịch vụ công vẫn không đáp ứng được kỳ vọng của người dân, thì cảm nhận về sự tiến bộ trong đời sống xã hội sẽ khó được cải thiện.

Tổng thể, kết quả nghiên cứu đã khẳng định giả thuyết cho rằng quản trị tốt là nền tảng cho phúc lợi xã hội bền vững. Khi chính quyền địa phương chú trọng cải thiện quản trị một cách thực chất từ mở rộng sự tham gia của người dân, kiểm soát tham nhũng hiệu quả, đến cải cách hành chính và phát triển chính quyền điện tử thì không chỉ chất lượng dịch vụ công được nâng cao, mà niềm tin và cảm giác hạnh phúc của người dân cũng được củng cố. Điều này đặc biệt quan trọng trong bối cảnh Việt Nam đang hướng tới mô hình tăng trưởng bao trùm và phát triển bền vững, trong đó phúc lợi tinh thần và cảm nhận của người dân được coi trọng ngang với các chỉ số kinh tế truyền thống.

**Lời cảm ơn:** Nghiên cứu này được tài trợ bởi Đề tài khoa học và công nghệ cấp Đại học Huế, mã số DHH2025-06-159.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

Arampatzi, Efstratia, Martijn J. Burger, Spyridon Stavropoulos, and Frank G. van Oort. "Subjective Well-Being and the 2008 Recession in European Regions: The Moderating Role of Quality of Governance." *International Journal of Community Well-Being* 2, no. 2 (July 1, 2019): 111–33. <https://doi.org/10.1007/s42413-019-00022-0>.

- Anh N. H., & Hường T. T. (2023). Tác động của quản trị – hành chính công đến mức sống của người dân Việt Nam giai đoạn 2018—2021. *TNU Journal of Science and Technology*, 228(08), Article 08. <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.7525>
- Arvin, B. M., & Lew, B. (2012). Development Aid, Corruption, and the Happiness of Nations: Analysis of 118 countries over the years 1996-2009. *Applied Econometrics and International Development*, 12(2). [https://ideas.repec.org/a/eea/aeinde/v12y2012i2\\_5.html](https://ideas.repec.org/a/eea/aeinde/v12y2012i2_5.html)
- Belasen, A. R., & Hafer, R. W. (2012). Well-being and economic freedom: Evidence from the States. *Intelligence*, 40(3), 306–316. <https://doi.org/10.1016/j.intell.2012.03.002>
- Clark, A. E., D’Ambrosio, C., & UNU-WIDER. (2018). *Economic inequality and subjective well-being across the world* (170th ed., Vol. 2018). UNU-WIDER. <https://doi.org/10.35188/UNU-WIDER/2018/612-8>
- Heinrich, C. J., & Marschke, G. (2010). Incentives and their dynamics in public sector performance management systems. *Journal of Policy Analysis and Management*, 29(1), 183–208. <https://doi.org/10.1002/pam.20484>
- Helliwell, J. F., & Huang, H. (2008). How’s Your Government? International Evidence Linking Good Government and Well-Being. *British Journal of Political Science*, 38(4), 595–619. <https://doi.org/10.1017/S0007123408000306>
- Heukamp, F. H., & Ariño, M. A. (2011). Does Country Matter for Subjective Well-Being? *Social Indicators Research*, 100(1), 155–170. <https://doi.org/10.1007/s11205-010-9610-y>
- Holmberg, S., Rothstein, B., & Nasiritousi, N. (2009). Quality of Government: What You Get. *Annual Review of Political Science*, 12(1), 135–161. <https://doi.org/10.1146/annurev-polisci-100608-104510>
- Ifcher, J. (2011). The Happiness of Single Mothers after Welfare Reform. *The B.E. Journal of Economic Analysis & Policy*, 11(1). <https://doi.org/10.2202/1935-1682.2727>
- Klemm, M. (2022). Well-being Changes from Year to Year: A Comparison of Current, Remembered and Predicted Life Satisfaction. *Journal of Happiness Studies*, 23(4), 1669–1681. <https://doi.org/10.1007/s10902-021-00468-0>
- Orviska, M., Caplanova, A., & Hudson, J. (2014). The Impact of Democracy on Well-being. *Social Indicators Research*, 115(1), 493–508. <https://doi.org/10.1007/s11205-012-9997-8>
- Ott, J. C. (2010). Good Governance and Happiness in Nations: Technical Quality Precedes Democracy and Quality Beats Size. *Journal of Happiness Studies*, 11(3), 353–368. <https://doi.org/10.1007/s10902-009-9144-7>
- Ott, J. C. (2011). Government and Happiness in 130 Nations: Good Governance Fosters Higher Level and More Equality of Happiness. *Social Indicators Research*, 102(1), 3–22. <https://doi.org/10.1007/s11205-010-9719-z>

- Rodríguez-Pose, A. (2013). Do Institutions Matter for Regional Development? *Regional Studies*, 47(7), 1034–1047. <https://doi.org/10.1080/00343404.2012.748978>
- Rodríguez-Pose, A., & Ketterer, T. (2020). Institutional change and the development of lagging regions in Europe. *Regional Studies*, 54(7), 974–986. <https://doi.org/10.1080/00343404.2019.1608356>
- Thang, D. Q., Ky, T. T., Bang, N. T., & Hieu, N. T. (2021). Application of Solow model to evaluate the impact of PAPI on economic growth of localities in Vietnam. *Journal of Science-Quy Nhon University*, 15(4), 27–36.
- Tùng, P. H. (2024). Tác động của chất lượng quản lý công đến tăng trưởng kinh tế của địa phương: Khảo sát các tỉnh ở Việt Nam. *Tạp Chí Nghiên Cứu Chính Sách và Phát Triển*, 2, 1–14.
- Weitz-Shapiro, R., & Winters, M. S. (2011). The Link Between Voting and Life Satisfaction in Latin America. *Latin American Politics and Society*, 53(4), 101–126. <https://doi.org/10.1111/j.1548-2456.2011.00135.x>
- Welsch, H. (2008). The welfare costs of corruption. *Applied Economics*, 40(14), 1839–1849. <https://doi.org/10.1080/00036840600905225>.

**THE IMPACT OF PROVINCIAL GOVERNANCE AND PUBLIC  
ADMINISTRATION PERFORMANCE ON PERCEPTIONS OF LIFE  
IMPROVEMENT: EVIDENCE FROM A HOUSEHOLD SURVEY IN  
VIETNAM**

**Pham Thi Bich Ngoc, Pham Xuan Hung**

**Abstract.** This study investigates the impact of provincial governance and public administration performance on households' perceptions of improved living standards in Vietnam. Using data from the Vietnam Household Living Standards Survey (VHLSS) for 2012–2020 combined with the Provincial Governance and Public Administration Performance Index (PAPI), the analysis applies ordered logit and OLS models. The findings reveal that both past governance quality and improvements in PAPI are positively and significantly associated with households' perceptions of life improvement. In particular, dimensions such as citizen participation, vertical accountability, corruption control, and administrative procedure reforms show clear effects. The results highlight the importance of local governance reforms, suggesting that provincial authorities should prioritize strengthening transparency and improving public service delivery to foster sustainable social well-being.

**Keywords:** PAPI; Life improvement; Households; Vietnam.